

TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN  
TỔ: SINH-CÔNG NGHỆ

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: SINH HỌC 10- NĂM HỌC 2026 – 2027

Thời gian làm bài: 45 phút

**I. MA TRẬN (70% TRẮC NGHIỆM - 30% TỰ LUẬN)**

| T<br>T        | Chủ đề/<br>Chương  | Nội dung/<br>Đơn vị kiến<br>thức                                                                   | Mức độ đánh giá |      |    |            |      |    |              |      |    |          |      |    | Tổng<br>%<br>điểm |
|---------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|----|------------|------|----|--------------|------|----|----------|------|----|-------------------|
|               |                    |                                                                                                    | Nhiều lựa chọn  |      |    | Đúng - Sai |      |    | Trả lời ngắn |      |    | Tự luận  |      |    |                   |
|               |                    |                                                                                                    | Biết            | Hiểu | VD | Biết       | Hiểu | VD | Biết         | Hiểu | VD | Biết     | Hiểu | VD |                   |
| 1             | Phân mở<br>đầu     | Bài 1, 2, 3:<br>Giới thiệu<br>khái quát, PP<br>nghiên cứu và<br>Các cấp độ tổ<br>chức sống         | 4               |      |    |            |      |    |              | 2    |    |          | 1    |    | 25%               |
| 2             | Sinh học<br>tế bào | Bài 4, 5, 7:<br>Các nguyên tố<br>hóa học,<br>nước, các<br>phân tử sinh<br>học và Tế bào<br>nhân sơ | 8               | 4    |    | 1          | 1    |    |              |      | 2  |          |      | 1  | 75%               |
| Tổng số câu/ý |                    |                                                                                                    | 12              | 4    | 0  | 1          | 1    | 0  | 0            | 2    | 2  | 0        | 1    | 1  |                   |
| Tổng số điểm  |                    |                                                                                                    | 4,0 điểm        |      |    | 2,0 điểm   |      |    | 1,0 điểm     |      |    | 3,0 điểm |      |    | 10.0              |
| Tỉ lệ %       |                    |                                                                                                    | 40%             |      |    | 20%        |      |    | 10%          |      |    | 30%      |      |    | 100%              |

## II. BẢN ĐẶC TẢ (70% TRẮC NGHIỆM - 30% TỰ LUẬN)

| TT | Chủ đề          | Nội dung kiến thức                                                                                          | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |                      |              |              |
|----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------|--------------|
|    |                 |                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhiều lựa chọn                   | Đúng - Sai           | Trả lời ngắn | Tự luận      |
| 1  | Phần mở đầu     | Bài 1: Giới thiệu khái quát môn Sinh học<br>Bài 2: Phương pháp nghiên cứu<br>Bài 3: Các cấp độ tổ chức sống | <i>Nhận biết:</i><br>- Nêu được đối tượng và các lĩnh vực nghiên cứu của sinh học.<br>- Nêu được một số thiết bị nghiên cứu và học tập môn Sinh học.<br>- Phát biểu được khái niệm cấp độ tổ chức sống.<br><i>Thông hiểu:</i><br>- Trình bày được định nghĩa về phát triển bền vững, vai trò của sinh học.<br>- Giải thích được mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sống.<br><i>Vận dụng:</i><br>- Vận dụng được quy trình và các kĩ năng trong tiến trình nghiên cứu khoa học. | 4 câu (Biết)                     |                      | 2 câu (Hiểu) | 1 câu (Hiểu) |
| 2  | Sinh học tế bào | Bài 4: Các nguyên tố hóa học và nước<br>Bài 5: Các phân tử sinh học<br>Bài 7: Tế bào nhân sơ                | <i>Nhận biết:</i><br>- Liệt kê được một số nguyên tố hoá học chính có trong tế bào.<br>- Nêu được khái niệm phân tử sinh học. Kể tên các loại phân tử sinh học.<br>- Mô tả được kích thước, cấu tạo của tế bào nhân sơ.<br><i>Thông hiểu:</i><br>- Trình bày được vai trò của các nguyên tố vi                                                                                                                                                                                  | 12 câu (8 Biết, 4 Hiểu)          | 2 ý (1 Biết, 1 Hiểu) | 2 câu (VD)   | 1 câu (VD)   |

|             |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |     |     |     |
|-------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|
|             |  | <p>lượng, đa lượng.</p> <p>- Giải thích được đặc điểm cấu tạo phân tử nước quy định tính chất và vai trò của nước.</p> <p>- Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần tế bào nhân sơ.</p> <p><i>Vận dụng:</i></p> <p>- Vận dụng kiến thức về các phân tử sinh học giải thích hiện tượng thực tiễn (xác định huyết thống, dinh dưỡng...).</p> <p>- Tính toán số lượng nucleotide, liên kết hydrogen, chiều dài DNA...</p> |     |     |     |     |
| Tổng số câu |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 16  | 2   | 4   | 2   |
| Tổng điểm   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0 | 2,0 | 1,0 | 3,0 |
| Tỉ lệ %     |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 40% | 20% | 10% | 30% |